

- 1.6 Thông tin khác được công ty xác định là thông tin mật.
そのほか貴社が秘密情報と定める情報。

ĐIỀU 2: XỬ LÝ THÔNG TIN MẬT

第二条 秘密情報の取り扱い

- 2.1 Tôi sẽ báo cáo ngay cho công ty trong trường hợp đã tạo ra, có được hoặc làm mất thông tin mật.
秘密
- 2.2 Nga
thôn
toàn
私が
の帰
ご利用いただくにはパスワードが必要です。
ăng các
và hoàn
秘密情報
- 2.3 Tôi
khải
秘密情報について私に帰属する一切の権利を貴社に譲渡し、その権利が私に帰属する旨の一切の主張は致しません。
と、と、
- 2.4 Tôi tuyệt đối không sao chép hoặc mô phỏng bất kì phương tiện có chứa hoặc lưu trữ thông tin mật nào ngoài mục đích thực hiện công việc. Ngoài ra, tuyệt đối không mang ra khỏi công ty nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của công ty.
秘密情報が記載または記録されている媒体については、職務執行以外の目的で複製または複写致しません。また、貴社の事前の書面による許可なく、貴社の施設外への持ち出しはいたしません。
- 2.5 Đối với các bản sao hoặc bản chụp theo lệnh của công ty, nếu không còn cần thiết, tôi sẽ hoàn trả hoặc tiêu hủy theo hướng dẫn của công ty.
貴社の業務命令により複製または複写したものは、その必要がなくなった場合、貴社の指示にしたがい、返還ま

ĐIỀU 3:

第三条

TIN

- 3.1 Tôi
công
e-m
業務
にお
ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。
ục đích
: địa chỉ
業務外
- 3.2 Tôi
v.v..
tra t
貴社
ため
があ
パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。
tập tin,
để điều
る調査の
すること

ĐIỀU 4:

第四条 秘密保持義務

- 4.1 Cam kết không tiết lộ, làm rò rỉ hoặc sử dụng bất hợp pháp bất kỳ thông tin hay dữ liệu có chứa thông tin mật ngay cả sau khi nghỉ việc tại công ty, trừ các trường hợp sau:
次の場合を除き、貴社を退職した後においても、機密が含まれる情報またはデータを不正に開示、漏洩もしくは使用しないことを約束いたします。
- Công ty đã chấm dứt hoạt động kinh doanh;
貴社の経営活動が終わった時。
 - Các thông tin mật đã được công ty phổ biến rộng rãi ra công chúng;
貴社の機密情報が公の場に一般公開された時。

- Thời hạn bảo mật đối với Thông tin mật đã hết.
機密保持期限が切れた時。

4.2 C
cl
第
と

4.3 C
ty
貴

ご利用いただくにはパスワードが必要です。

nào, hoặc
りしないこ
n mà công
たします。

ĐIỀU 5 第五条

退職以降の秘密情報の取り扱い

- 5.1 Cam kết bàn giao toàn bộ công việc cho người phụ trách tiếp theo bao gồm cả dữ liệu máy tính, không khoá hoặc xoá mã các dữ liệu máy tính có chứa các thông tin mật mà không có sự cho phép của công ty trước khi nghỉ việc.

貴
ニ

5.2 C
tl
h
k
貴
ー
る

ライブラリ会員のお客様は、
「資料ダウンロード」から
パスワードを入力ください。

許可なしに
。
nh mà bản
có bản sao
ng ty và sẽ
類およびデ
資料等があ

ĐIỀU 6 第六条

Tôi kh
xử lý l
thiệt h
tin mật
本誓約

パスワードをお持ちでない方は、ぜひ
「お問合せ」よりお申込みください。

を負うことを確認し、貴社が被った一切の損害を賠償することを約束いたします。

chấp hành
ền bù mọi
ụng thông
害賠償責任

[], ngày [] tháng [] năm []
[], [] 年 [] 月 [] 日

NGƯỜI CAM KẾT

誓約者

(Ký, ghi rõ họ tên)
(署名、記名)